

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**
Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**
Tên tiếng Anh: **English Language**
Mã ngành: **8220201**
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

Bình Định, 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh
Tên tiếng Anh: English Language
Mã ngành: 8220201
Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên ngành chuyên sâu, kỹ năng làm việc thành thạo, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và thái độ tích cực, đáp ứng được yêu cầu công việc và sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Thạc sỹ ngành Ngôn ngữ Anh có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Kế thừa những kiến thức đã có ở trình độ đào tạo đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ bản trong lịch sử triết học và trong triết học Mác-Lênin, qua đó nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận.

+ PO2: Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết ngôn ngữ học tiếng Anh và các ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan; Có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ 2 (tiếng Trung hoặc tiếng Pháp) tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương).

+ PO3: Có kiến thức cập nhật về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh để trên cơ sở đó vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch và giảng dạy tiếng Anh trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước; Đủ kiến thức để tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh

+ PO4: Có khả năng bắt kịp những tiên bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiếng Anh vì những mục đích ứng dụng chuyên biệt; biên dịch, phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành ở trình độ cao; giảng dạy tiếng Anh ở trình độ nâng cao.

- Về kỹ năng

+ PO5: Có kỹ năng thực hành và giao tiếp tiếng Anh trong các môi trường xã hội và công việc ở trình độ cao.

+ PO6: Có kỹ năng tổng hợp, phân tích các vấn đề chuyên môn liên quan đến Ngôn ngữ Anh.

+ PO7: Có kỹ năng nghiên cứu, viết báo cáo khoa học, trình bày và tranh luận các vấn đề khoa học liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

+ PO8: Có kỹ năng ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn liên quan đến biên, phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO9: Nhận thức rõ về ý thức tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ, và phát triển nghề nghiệp cá nhân.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Ngôn ngữ Anh có thể:

- Làm viên chức giảng dạy tại các bậc học trong cả nước, nếu có thêm các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- Làm việc ở các trung tâm, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý về giáo dục và khoa học kỹ thuật, bộ phận hợp tác quốc tế, các cơ quan kinh tế và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu;

- Làm công tác biên-phiên dịch hoặc công tác tại các cơ quan truyền thông như báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

+ Kiến thức cơ sở:

- PLO1: Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lịch sử triết học và trong triết học Mác – Lênin để nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và đất nước và vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực chuyên môn của học viên cao học.

- PLO2: Sử dụng kiến thức và kỹ năng của ngoại ngữ 2 (tiếng Trung hoặc tiếng Pháp) tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương) ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu, có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường.

+ Kiến thức chuyên sâu:

- PLO3: Có kiến thức cập nhật về văn hóa và ngôn ngữ các nước nói tiếng Anh trong nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch, và giảng dạy tiếng Anh.

- PLO4: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lý thuyết ngôn ngữ học tiếng Anh để viết báo cáo, trình bày rõ ràng các ý kiến, phản biện, và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề chuyên môn phức tạp.

- PLO5: Sử dụng kiến thức về tiến bộ khoa học kỹ thuật để giải quyết những vấn đề về chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiếng Anh vào biên dịch, phiên dịch, và giảng dạy tiếng Anh.

- PLO6: Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành và lý thuyết ngôn ngữ Anh trong việc truyền bá tri thức, quản lý, và dẫn dắt các hoạt động chuyên môn liên quan.

3.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung:

- PLO7: Sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ (Tiếng Trung/Pháp) để hỗ trợ công việc chuyên môn và hoạt động nghề nghiệp.

+ Kỹ năng chuyên môn:

- PLO8: Giao tiếp tiếng Anh và làm việc nhóm hiệu quả trong các môi trường xã hội và công việc chuyên môn trình độ cao.

- PLO9: Phân tích, đánh giá, và phản biện để giải quyết có hiệu quả những công việc phức tạp, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới phục vụ công tác chuyên môn trong biên, phiên dịch, và giảng dạy tiếng Anh.

- PLO10: Đề xuất và độc lập nghiên cứu để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong công việc chuyên môn.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO11: Có năng lực thích nghi, tự định hướng cá nhân và khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

- PLO12: Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

4. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TH, TN			
I. Phần kiến thức chung					7	6	1			
I.1. Triết học										
1	XHTH	501	Triết học (Philosophy)	1	4	4			LLCT-Luật và QLNN	
I.2. Ngoại ngữ										
2	NANN	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Pháp-French Tiếng Trung-Chinese)	1	3	2	1		K. NN	

II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
<i>II.1. Phần bắt buộc</i>					18	12	6			
3	NADC	503	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	2	3	2	1		K. NN	
4	TAPP	505	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	1	3	2	1		K. NN	
5	TAUD	513	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	1	3	2	1		K. NN	
6	NATN	523	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	2	3	2	1		K. NN	
7	TADH	516	Ngữ dụng học (Pragmatics)	2	3	2	1		K. NN	
8	NADN	517	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches in Discourse Analysis)	2	3	2	1		K. NN	
<i>II.2. Phần tự chọn (chọn 20 TC trong TC)</i>					20	18	9			
9	TAVK	507	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)	1	3	2	1		K. NN	
10	NAHK	508	Hoa Kỳ học (American Studies)	1	3	2	1		K. NN	
11	NATK	510	Thiết kế chương trình (Curriculum Design)	1	3	2	1		K. NN	
12	NACN	511	Công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (ICT in Foreign Language Teaching)	2	3	2	1		K. NN	
13	NAVH	512	Ngôn ngữ và văn hóa (Language and Culture)	2	3	2	1		K. NN	
14	NADG	518	Thuyết đánh giá (Apraisal theory)	3	3	2	1		K. NN	
15	NAKT	519	Kiểm tra đánh giá khả năng ngôn ngữ (Language Testing and Evaluation)	3	3	2	1		K. NN	

16	NACN	522	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	2	3	2	1		K. NN	
17	NADT	514	Lý thuyết dịch thuật (Translation Theories)	3	3	2	1		K. NN	
18	NATT	509	Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai (First and Second Language Acquisition)	1	2	2	0		K. NN	
19	NANN	520	Ngữ nghĩa học (Semantics)	2	2	2	0		K. NN	
20	NANP	504	Ngữ pháp lý thuyết (Theoretical Grammar)	2	2	2	0		K. NN	
21	NADC	515	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	2	2	0		K. NN	
22	NACN	524	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	2	2	2	0		K. NN	
23	TAXH	506	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	3	2	2	0		K. NN	
24	NATL	525	Ngôn ngữ học tâm lý (Psycholinguistics)	1	2	2	0		K. NN	
25	NADK	528	Đọc văn bản khoa học (Academic Reading)	3	2	2	0		K. NN	
26	TAGT	521	Nghiên cứu giao tiếp giao văn hóa (Cross-Culture Communication Studies)	1	2	2	0		K. NN	
II.3. Thực tập					6					
27	NATT	529	Thực tập 1	3	3	1	2		K. NN	
28	NATT	530	Thực tập 2	4	3	1	2		K. NN	
III. Đồ án tốt nghiệp					9		9			
29	NADA	531	Đồ án tốt nghiệp	4	9		9		K. NN	
Tổng cộng					60					